

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2018/HS-ST

Ngày: 14-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Ksor Y Nai.

- Bà Trần Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hòa – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa: Ông Y Đum Kpă – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018 tại Phòng xử án - Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 103/2018/TLST-HS, ngày 17 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2018/QĐXXST-HS, ngày 02 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

Phạm Thị L; sinh ngày 20/3/1975 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ dân phố 13, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm T (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1942; có chồng là Nguyễn Phương A, sinh năm 1973 và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Trần N; sinh ngày 10/02/1963 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ dân phố 8, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần C (đã chết) và bà Trịnh Thị T, sinh năm 1927; có vợ là Bùi Thị H, sinh năm 1974 và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Thế T, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ dân phố 02, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

2. Ông Trần Văn D, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn 8, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Phương A, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ dân phố 13, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

4. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ dân phố 02, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Trần Văn T, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ dân phố 13, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

2. Bà Bùi Thị H, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 02/2018 Phạm Thị L và Trần N bàn bạc với nhau đánh bạc dưới hình thức ghi số đề để thu lợi. L và N thỏa thuận với nhau để N nhận ghi số đề từ các con bạc sau đó chuyển qua cho L. Đối với hình thức bao lô, N nhận ghi số đề từ các con bạc là 14.000 đồng/01 điểm. Sau đó, N chuyển qua cho L là 13.000 đồng/01 điểm. Đối với hình thức đầu cuối, ba chân, N nhận với tỷ lệ là 80% trên tổng số tiền con bạc ghi và chuyển qua cho L toàn bộ số tiền trên. Sau khi các con bạc đến gặp N ghi số đề, N sẽ sử dụng điện thoại Nokia, gắn số điện thoại 0944704472 gọi cho L theo số điện thoại 01698652269 được gắn trên điện thoại di động hiệu Vivo, để chuyển số đề mà N ghi được. Khi nhận số đề từ N chuyển đến, L giữ lại và trực tiếp ăn thua với các con bạc, không chuyển qua cho người khác.

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 17/6/2018, khi N đang bán bánh xèo tại ki ốt số 46 đường Điện Biên Phủ, thị trấn Ea Drăng, huyện Ea H'Leo thì Trần Văn D và Nguyễn Thế T đến gặp N ghi số đề cụ thể như sau: Trần Văn D ghi số 99×50 tức là ghi số 99 bao lô 50 điểm, một điểm tương ứng 14.000 đồng thành tiền là 700.000 đồng; 88×50 tức là ghi số 88 bao lô 50 điểm, thành tiền là 700.000 đồng, 099×50 là ghi số 099 bao

lô 50 điểm thành tiền là 700.000 đồng, 088×50 là ghi số 088 bao lô 50 điểm thành tiền là 700.000 đồng, ghi số 088 - 150 tức là đánh cuối số 088 với 150.000 đồng, 099-150 là hình thức đánh số cuối 099 với 150.000 đồng, 240 - 88 - 240 là hình thức đánh con số 88, đầu 240.000 đồng, cuối 240.000 đồng; số 240 - 99 - 120 là hình thức đánh con số 99 đầu 240.000 đồng, cuối 120.000 đồng. Tổng số tiền mà D đã ghi số đề với Trần N là 3.940.000. Tuy nhiên, N chỉ nhận của D với hình thức đầu cuối là 80% trên tổng số tiền mà D đã chơi nên số tiền thực tế mà Trần N đã ghi số đề cho D là 3.712.000 đồng. Nguyễn Thế T ghi số 055×40 tức là ghi số 055 bao lô 40 điểm, mỗi điểm tương ứng 14.000 đồng, thành tiền là 560.000 đồng; 66 x 40 tức là ghi số 66 bao lô 40, thành tiền là 560.000 đồng; số 00×30 tức là ghi số 00 bao lô 30 điểm, thành tiền là 420.000 đồng, số 99×30 tức là ghi số 99, bao lô 30 điểm, thành tiền là 420.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền mà Trần N ghi số đề cho Tài là 1.960.000 đồng.

Sau khi ghi số đề xong, T và D thông nhất với Trần N lấy kết quả xổ số kiến thiết tỉnh Kon Tum để tính toán thắng thua. Sau đó, N điện thoại cho Phạm Thị L chuyển những con số đề nói trên để hưởng chênh lệch số tiền 340.000 đồng.

Đến khoảng 17 giờ 45 phút cùng ngày, T và D tiếp tục đi đến chỗ N để ghi số đề và xem kết quả thắng thua. Căn cứ theo kết quả xổ số kiến thiết tỉnh Kon Tum thì T trúng con số 00×30, thắng được số tiền là 2.100.000 đồng, N đưa tiền trúng số đề cho T và tiếp tục ghi số đề cho T thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk bắt quả tang. Thu giữ trên người N số tiền 2.800.000 đồng và 01 điện thoại Nokia màu đen có gắn sim số 0944704472; thu giữ trên người Nguyễn Thế T số tiền 1.500.000 đồng cùng với 01 phôi đề và thu giữ trên người Trần Văn D 02 phôi đề.

Số tiền T sử dụng để đánh bạc với N là 4.060.000 đồng (bao gồm tiền ghi số đề là 1.960.000 đồng + tiền thắng được là 2.100.000 đồng) và D đánh bạc với N là 3.712.000 đồng. Tổng số tiền Trần N đánh bạc là 7.772.000 đồng, Phạm Thị L là 7.432.000 đồng.

Vào khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày 17/6/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk, thực hiện khám xét khẩn cấp tại nhà Phạm Thị L đường L T T, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, thu giữ 02 máy tính Casio, 01 điện thoại Vivo màu hồng, gắn sim số 01698652269, 01 điện thoại Mastel sim số 01669867284, 01 điện thoại Viettel màu đen, 01 điện thoại Samsung màu đen, 01 máy tính bảng Huawei màu trắng xám Model S8-710u, 01 máy tính xách tay HP EliteBook 8440p và số tiền 33.200.000 đồng.

Các bị cáo Phạm Thị L, Trần N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số 98/CT-VKS, ngày 15/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo truy tố đối với các bị cáo Phạm Thị L, Trần N về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo giữ nguyên quan điểm truy tố sau khi đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Thị L từ 09 tháng tù đến tháng 12 tù nhưng cho hưởng án treo; xử phạt bị cáo Trần N từ 06 tháng tù đến tháng 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách bằng hai lần mức án.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại hiệu Mastel, gắn sim số 01669867284; chiếc điện thoại Viettel màu đen; chiếc điện thoại Samsung màu đen; chiếc máy tính bảng Huawei màu trắng xám Model S8-710u; chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu HP EliteBookk 8440p; 01 máy tính Casio LC-403TV là của gia đình Phạm Thị L, không sử dụng vào việc đánh bạc. Đối với số tiền 33.200.000 đồng thu giữ tại nhà của Phạm Thị L, thì trong đó có 30.000.000 đồng L mượn của là Phạm Văn H, không liên quan đến phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H'Leo đã trả lại cho Phạm Thị L các tài sản nói trên. Còn đối với 3.200.000 đồng là tiền L đã thu được trong những ngày đánh bạc trước đó nhưng L đã xóa bỏ hết dữ liệu, 01 máy tính Casio JF-120BM và 01 điện thoại Vivo màu hồng, gắn sim số 01698652269 sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 điện thoại Nokia màu đen có gắn sim số 0944704472 và 2.800.000 đồng thu giữ của Trần N là số tiền và phương tiện N sử dụng vào việc phạm tội. Đối với 1.500.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thế T, đây là số tiền mà T thắng từ việc đánh bạc. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Đề nghị truy thu số tiền 772.000 đồng mà N thu lợi từ việc phạm tội.

Đối với Nguyễn Thế T sử dụng số tiền là 4.060.000 đồng và Trần Văn D sử dụng số tiền là 3.712.000 đồng, để đánh bạc nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H'Leo ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với D và T.

Đối với ki ốt mà Trần N sử dụng vào việc đánh bạc là của ông Nguyễn Xuân T cho Trần N thuê để bán bánh xèo, ông T không biết N sử dụng vào việc đánh bạc nên không có căn cứ để xử lý.

Các bị cáo Phạm Thị L, Trần N không có ý kiến gì về quyết định truy tố của

Viện kiểm sát, không có tranh luận gì với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo Phạm Thị L, Trần N nói lời nói sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo hưởng án treo để có điều kiện chấp hành hình phạt và chăm sóc gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ea H'Leo, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Vào tháng 02/2018, Phạm Thị L và Trần N bàn bạc với nhau về việc đánh bạc dưới hình thức ghi số đề để thu lợi, theo đó N sẽ nhận ghi số đề từ các con bạc sau đó chuyển qua cho L. Đối với hình thức bao lô, N nhận ghi số đề từ các con bạc là 14.000 đồng/01 điểm, sau đó chuyển qua cho L 13.000 đồng/01 điểm. Đối với hình thức đầu cuối, ba chân, N nhận với tỷ lệ là 80% trên tổng số tiền con bạc ghi và chuyển qua cho L toàn bộ số tiền trên. Khi nhận số đề từ N chuyển đến, L giữ lại và trực tiếp ăn thua với các con bạc, không chuyển qua cho người khác. Đến khoảng 16 giờ 30 phút ngày 17/6/2018, tại quán bán bánh xèo phía trước ki ốt đường Đ B P, thị trấn E, huyện E, Trần N đã ghi số đề đối với Trần Văn D là 3.940.000, nhưng N chỉ nhận của D với hình thức đầu cuối là 80% trên tổng số tiền mà D đã chơi nên số tiền thực tế mà Trần N đã ghi số đề cho D là 3.712.000 đồng. Ghi số đề với Nguyễn Thế T là 1.960.000 đồng. T, D thống nhất với Trần N lấy kết quả xổ số kiến thiết tỉnh Kon Tum để tính toán thắng thua. Sau đó, N điện thoại cho Phạm Thị L chuyển những con số đề nói trên để hưởng chênh lệch số tiền 340.000 đồng.

Đến khoảng 17 giờ 45 phút cùng ngày, T và D đi đến chỗ Nhị để ghi số đề và xem kết quả thắng thua. Căn cứ theo kết quả xổ số kiến thiết tỉnh Kon Tum thì T trúng con số 00×30, thắng được số tiền là 2.100.000 đồng, N đưa tiền trúng số đề cho T và tiếp tục ghi số đề cho T thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk bắt quả tang.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật. Thế nhưng, do ý thức coi thường pháp luật và động cơ ham muốn sát phạt ăn thua, muốn có tiền nhưng không phải lao động chính đáng nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ căn cứ pháp luật để kết luận: Các bị cáo Phạm Thị L, Trần N đã phạm tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Tại điều luật nêu trên quy định như sau:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc hành vi được quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”;

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự công cộng mà còn gây mất ổn định về trật tự trị an tại địa phương; tệ nạn đánh bạc dưới hình thức ghi số đề nói riêng và các hình thức đánh bạc khác trong thời gian qua có chiều hướng gia tăng tại địa phương. Mặc dù các cơ quan chức năng đã có những biện pháp xử phạt nghiêm khắc đối với những đối tượng vi phạm nhưng vẫn không giảm mà vẫn có chiều hướng gia tăng; hành vi phạm tội của các bị cáo cũng là một trong những nguyên nhân gián tiếp gây ra các tệ nạn xã hội khác. Vì vậy, cần áp dụng một hình phạt đủ nghiêm đối với các bị cáo để trừng trị, đồng thời cải tạo, giáo dục các bị cáo. Ngoài ra, còn có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều tham gia thực hiện tội phạm với vai trò thực hành. Vì vậy, cần phân tích đánh giá cụ thể hành vi của từng bị cáo tham gia vào việc phạm tội để việc quyết định hình phạt được chính xác. Mặc dù, cả hai bị cáo Phạm Thị L và Trần N cùng bàn bạc thực hiện hành vi phạm tội, nhưng bị cáo L là người nhận tiền ghi số đề từ bị cáo N, hưởng lợi nhiều hơn bị cáo N, còn bị cáo N là người trực tiếp thực hiện hành vi đánh bạc với các con bạc nhưng hưởng lợi ít hơn. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo L mức hình phạt cao hơn bị cáo N.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Như vậy, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại

các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cho các bị cáo được hưởng án treo, để các bị cáo tự rèn luyện mình dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng trừng trị, răn đe đối với bị cáo.

Đối với Nguyễn Thế T sử dụng số tiền là 4.060.000 đồng và Trần Văn D sử dụng số tiền là 3.712.000 đồng để đánh bạc nhưng chưa cấu thành tội phạm, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H'Leo ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với D và T nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

Đối với ki ốt mà Trần N sử dụng vào việc đánh bạc là của ông Nguyễn Xuân T cho Trần N thuê để bán bánh xèo, ông T không biết N sử dụng vào việc đánh bạc nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về xử lý vật chứng: Cần chấp nhận việc Công an huyện Ea H'Leo đã giao trả 01 chiếc điện thoại hiệu Mastel, gắn sim số 01669867284; 01 chiếc điện thoại Viettel màu đen; 01 chiếc điện thoại Samsung màu đen; 01 chiếc máy tính bảng Huawei màu trắng xám Model S8-710u; 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu HP EliteBookk 8440p; 01 máy tính Casio LC-403TV; 30.000.000 đồng cho Phạm Thị L vì số tài sản trên không liên quan đến việc phạm tội.

Cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 3.200.000 đồng thu giữ của Phạm Thị L; 01 máy tính Casio JF-120BM; 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu hồng, gắn sim số 01698652269; 01 điện thoại di động Nokia màu đen có gắn sim số 0944704472; 2.800.000 đồng thu giữ của Trần N; 1.500.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thế T vì đây là tiền và phương tiện mà các bị cáo và T sử dụng vào việc phạm tội. Cần truy thu số tiền 772.000 đồng mà N đã thu lợi bất chính từ việc phạm tội.

[4] Về án phí hình sự: Cần buộc các bị cáo Phạm Thị L, Trần N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Thị L, Trần N phạm tội “Đánh bạc”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

2. Xử phạt bị cáo Phạm Thị L 08 (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời

gian thử thách là 01 năm 04 tháng. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Trần N 07 (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm 02 tháng. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian thử thách, giao các bị cáo Phạm Thị L, Trần N cho Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41; khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận việc Công an huyện Ea H'Leo đã giao trả 01 chiếc điện thoại hiệu Mastel, gắn sim số 01669867284; 01 chiếc điện thoại Viettel màu đen; 01 chiếc điện thoại Samsung màu đen; 01 chiếc máy tính bảng Huawei màu trắng xám Model S8-710u; 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu HP EliteBookk 8440p; 01 máy tính Casio LC-403TV; 30.000.000 đồng cho Phạm Thị L vì không liên quan đến việc phạm tội.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 3.200.000 đồng thu giữ của Phạm Thị L; 2.800.000 đồng thu giữ của Trần N; 1.500.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thế T (Số tiền này hiện đang tạm giữ tại tài khoản số 3949.0.3014663.0000 của Công an huyện Ea H'Leo tại Kho bạc nhà nước huyện Ea H'Leo, yêu cầu Công an huyện Ea H'Leo chuyển số tiền nêu trên cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo khi bản án có hiệu lực pháp luật để sung vào ngân sách nhà nước); 01 máy tính Casio JF-120BM; 01 điện thoại Vivo màu hồng, gắn sim số 01698652269; 01 điện thoại Nokia màu đen có gắn sim số 0944704472 vì đây là tiền và phương tiện mà các bị cáo và T sử dụng vào việc phạm tội. Truy thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 772.000 đồng mà N đã thu lợi bất chính từ việc phạm tội. (Đặc điểm các vật chứng được lưu tại hồ sơ vụ án).

4. Về án phí hình sự: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Phạm Thị L, Trần N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào khoản 1, khoản 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các bị cáo Phạm Thị L, Trần N có quyền kháng cáo

trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ giám đốc kiểm tra I);
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ CA huyện Ea H'Leo;
- Cơ quan thi hành án hình sự CA huyện Ea H'Leo;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện E;
- Bộ phận thi hành án hình sự;
- Bị cáo;
- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Đăng Khoa